

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VÀ THANH TOÁN VỐN SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2021-2025

Đơn vị: triệu đồng

[illegible]

CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2021-2025

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Kế hoạch vốn đã phân bổ				Kế hoạch vốn đã thanh toán				Vốn đối ứng NSH đề nghị bổ sung năm 2025
		Tổng số	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Tổng số	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	
1	2	3=4+5+6	4	5	6	7=8+9+10	8	9	10	11
	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	6.419.800.000	363.000.000	1.505.300.000	4.551.500.000	4.687.512.000	363.000.000	1.505.300.000	2.819.212.000	49.500.000
1	Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng KTXH huyện nghèo (MCTMT: 00471)	2.783.000.000	198.000.000	506.000.000	2.079.000.000	1.174.932.000	198.000.000	506.000.000	470.932.000	
	<i>Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng KTXH huyện nghèo</i>	2.783.000.000	198.000.000	506.000.000	2.079.000.000	1.174.932.000	198.000.000	506.000.000	470.932.000	
	Hoạt động 1: Hỗ trợ duy tu và bảo dưỡng các công trình phục vụ dân sinh, sản xuất, thiết yếu trên địa bàn huyện (MCTMT: 00471)	2.783.000.000	198.000.000	506.000.000	2.079.000.000	1.174.932.000	198.000.000	506.000.000	470.932.000	
+	Vốn ngân sách trung ương	2.530.000.000	180.000.000	460.000.000	1.890.000.000	1.051.932.000	180.000.000	460.000.000	411.932.000	
+	Vốn ngân sách tỉnh	253.000.000	18.000.000	46.000.000	189.000.000	123.000.000	18.000.000	46.000.000	59.000.000	
+	Vốn ngân sách huyện, xã	0			0					
2	Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo (00472)	1.045.000.000	0	0	1.045.000.000	1.029.020.000	0	0	1.029.020.000	35.500.000
+	Vốn ngân sách trung ương	950.000.000		0	950.000.000	942.000.000			942.000.000	
+	Vốn ngân sách tỉnh	95.000.000		0	95.000.000	87.020.000			87.020.000	
+	Vốn ngân sách huyện, xã	0		0		0			0	35.500.000
3	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng (MCTMT: 00473)	1.065.000.000	165.000.000	460.000.000	440.000.000	1.053.960.000	165.000.000	460.000.000	428.960.000	14.000.000
	<i>Tiểu dự án 1: Hỗ trợ PTSX trong lĩnh vực nông nghiệp (MCTMT: 00473)</i>	1.065.000.000	165.000.000	460.000.000	440.000.000	1.053.960.000	165.000.000	460.000.000	428.960.000	14.000.000
+	Vốn ngân sách trung ương	950.000.000	150.000.000	400.000.000	400.000.000	947.100.000	150.000.000	400.000.000	397.100.000	
+	Vốn ngân sách tỉnh	95.000.000	15.000.000	40.000.000	40.000.000	86.860.000	15.000.000	40.000.000	31.860.000	
+	Vốn ngân sách huyện, xã	20.000.000		20.000.000	0	20.000.000		20.000.000		14.000.000

STT	Nội dung	Kế hoạch vốn đã phân bổ				Kế hoạch vốn đã thanh toán				Vốn đối ứng NSH đề nghị bổ sung năm 2025
		Tổng số	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Tổng số	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	
4	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững (MCTMT: 00474)	72.600.000	0	25.300.000	47.300.000	72.600.000	0	25.300.000	47.300.000	
	Tiểu dự án 1	72.600.000	0	25.300.000	47.300.000	72.600.000	0	25.300.000	47.300.000	
+	Vốn ngân sách trung ương	66.000.000		23.000.000	43.000.000	66.000.000		23.000.000	43.000.000	
+	Vốn ngân sách tỉnh	6.600.000		2.300.000	4.300.000	6.600.000		2.300.000	4.300.000	
+	Vốn ngân sách huyện, xã	0				-				
5	Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo (MCTMT: 00475)	1.334.000.000	0	506.000.000	828.000.000	1.334.000.000	0	506.000.000	828.000.000	
+	Vốn ngân sách trung ương	1.160.000.000		440.000.000	720.000.000	1.160.000.000		440.000.000	720.000.000	
+	Vốn ngân sách tỉnh	116.000.000		44.000.000	72.000.000	116.000.000		44.000.000	72.000.000	
+	Vốn ngân sách huyện, xã	58.000.000		22.000.000	36.000.000	58.000.000		22.000.000	36.000.000	
6	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình (MCTMT: 00477)	120.200.000	0	8.000.000	112.200.000	23.000.000	0	8.000.000	15.000.000	
	Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình	82.500.000	0	0	82.500.000	0	0	0	0	
+	Vốn ngân sách trung ương	75.000.000			75.000.000				0	
+	Vốn ngân sách tỉnh	7.500.000			7.500.000				0	
+	Vốn ngân sách huyện, xã	0								
	Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá	37.700.000	0	8.000.000	29.700.000	23.000.000	0	8.000.000	15.000.000	
+	Vốn ngân sách trung ương	34.000.000		7.000.000	27.000.000	20.600.000		7.000.000	13.600.000	
+	Vốn ngân sách tỉnh	3.700.000		1.000.000	2.700.000	2.400.000		1.000.000	1.400.000	
+	Vốn ngân sách huyện, xã	0				0				

STT	Nội dung	Kế hoạch vốn đã phân bổ				Kế hoạch vốn đã thanh toán				Vốn đối ứng NSH đề nghị bổ sung năm 2025
		Tổng số	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Tổng số	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	

[illegible]

STT	Nội dung	Kế hoạch vốn đã phân bổ				Kế hoạch vốn đã thanh toán				Vốn đối ứng NSH đề nghị bổ sung năm 2025
		Tổng số	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Tổng số	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	

[illegible]

STT	Nội dung	Kế hoạch vốn đã phân bổ				Kế hoạch vốn đã thanh toán				Vốn đối ứng NSH đề nghị bổ sung năm 2025
		Tổng số	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Tổng số	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	

[illegible]

STT	Nội dung	Kế hoạch vốn đã phân bổ				Kế hoạch vốn đã thanh toán				Vốn đối ứng NSH đề nghị bổ sung năm 2025
		Tổng số	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Tổng số	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	

[illegible]

STT	Nội dung	Kế hoạch vốn đã phân bổ				Kế hoạch vốn đã thanh toán				Vốn đối ứng NSH đề nghị bổ sung năm 2025
		Tổng số	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Tổng số	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	

[illegible]

STT	Nội dung	Kế hoạch vốn đã phân bổ				Kế hoạch vốn đã thanh toán				Vốn đối ứng NSH đề nghị bổ sung năm 2025
		Tổng số	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Tổng số	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	

[illegible]

